TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/KDTM-PT
Ngày: 27-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thái Lan

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Trúc và ông Trần Minh Nhật

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thục Uyên, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Ông Trần Ngọc Quỳnh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2019/TLPT-KDTM ngày 24 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần ĐP; Địa chỉ: Thôn P, xã HA, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn H, chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn T, sinh năm 1959; Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Ông Lê Hồng D, luật sư Văn phòng luật sư D, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên; Địa chỉ: 233 Nguyễn Huệ, phường 7, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn GH; Địa chỉ: Quốc lộ 25, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Đ, chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phan T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn V, xã HA, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Trương M, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2/ Ông Nguyễn V, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn P. xã Hoà Thắng, huyện Phú Hoà, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3/ Ông Ngô P, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

4/ Ông Phan T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

5/ Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1959 ; Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

4. Người kháng cáo:

Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn GH.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 03/03/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng H và ông Lê Hồng D thống nhất cùng trình bày:

Ngày 22/7/2013 giữa công ty cổ phần ĐP *(gọi tắt là công ty ĐP)* và công ty trách nhiệm hữu hạn GH *(gọi tắt là công ty GH)* đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 02/13/HĐ-KT về việc mua bán gạch bê tông màu tự chèn CORIC. Theo đó, công ty ĐP đã cung cấp cho công ty GH với số lượng cụ thể như sau:

Gạch ĐP-3 màu đỏ: 66.056 viên x 8.181,8182đ/viên = 540.458.183 đồng.

Gạch ĐP-3 màu vàng: 3.244 viên x 8.545,4545đ/viên = 27.721.453 đồng.

Tổng cộng số tiền 568.179.636 đồng.

Bên công ty ĐP đã cung cấp đầy đủ, đúng số lượng hàng hóa và thời gian quy định theo hợp đồng cho công ty GH.

Ngày 15/8/2013, giữa công ty ĐP và công ty GH tiếp tục ký kết Phụ lục hợp đồng số 02/13/PL-HĐ về việc mua bán thêm 55.000 viên gạch bê tông màu tự chèn CORIC loại ĐP-3 màu đỏ, quy cách 300x300x50, số viên 11 viên/m2, đơn vị tính: viên, số lượng 55.000, đơn giá 8.636,3636 đồng/viên. Sau nhiều lần giao hàng, công ty ĐP đã cung cấp cho công ty GH số lượng 19.800 viên x 8.636,3636/viên = 171.000.000 đồng.

Như vậy tổng giá trị hàng hóa là 739.179.636 đồng.

Ngày 21/05/2014 giữa công ty ĐP và công ty GH đã đối chiếu công nợ, theo đó công ty GH phải thanh toán cho công ty ĐP tổng số tiền 739.179.636 đồng.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, công ty ĐP xác định: không yêu cầu tính số lượng viên gạch theo Phụ lục hợp đồng số 02/13/PL-HĐ ngày 15/8/2013 đã giao cho công ty GH do ông Trương M nhận vào ngày 19/10/2013 là 1.650 viên x 8.636,3636/viên = 14.250.000 đồng. Như vậy, tổng cộng công ty GH phải thanh toán cho công ty ĐP số tiền 724.929.636 đồng.

Tính từ ngày 31/7/2013 đến ngày 25/01/2014 công ty GH đã thanh toán cho công ty ĐP tổng cộng số tiền 547.320.000 đồng, còn nợ lại số tiền 177.609.636 đồng.

Sau nhiều lần yêu cầu trả nợ cho đến nay, công ty GH đã tiếp tục thanh toán cho công ty ĐP được tổng cộng số tiền 110.000.000 đồng, cụ thể ngày 14/02/2015

trả 50.000.000 đồng; ngày 14/08/2015 trả 30.000.000 đồng và ngày 03/02/2016 trả 30.000.000 đồng.

Như vậy, công ty GH đã thanh toán được tổng cộng số tiền 657.320.000 đồng, hiện nay công ty GH còn nợ công ty ĐP số tiền 67.609.636 đồng nợ gốc.

Theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng kinh tế số 02/13/HĐ-KT có quy định: nếu quá thời hạn quy định mà bên B không thanh toán tiền đủ cho bên A thì bên B phải chịu trả lãi vay với lãi suất 1,5%/tháng *(tương đương 0,05%/ngày).* Do công ty GH vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên công ty ĐP yêu cầu công ty GH phải trả số tiền lãi theo từng đợt vi phạm nghĩa vụ thanh toán cụ thể như sau:

Từ ngày 01/8/2014 đến ngày 13/02/2015 tiền lãi được tính trên số tiền nợ gốc là 177.609.636đ x 0,05%/ngày x 198 ngày = 17.583.352 đồng

Từ ngày 14/02/2015 đến ngày 13/8/2015 tiền lãi được tính trên số tiền nợ gốc là 127.609.636đ x 0,05%/ngày x 181 ngày = 11.548.670 đồng

Từ ngày 14/8/2015 đến ngày 02/02/2016 tiền lãi được tính trên số tiền nợ gốc là 97.609.636đ x 0,05%/ngày x 173 ngày = 8.443.232 đồng

Từ ngày 03/02/2016 đến ngày 28/02/2019 tiền lãi được tính trên số tiền nợ gốc là 67.609.636đ x 0,05%/ngày x 1121 ngày = 37.895.192 đồng

Tổng cộng số tiền lãi phải trả là 75.470.446 đồng.

Nay công ty ĐP yêu cầu công ty GH phải trả tổng cộng số tiền 143.080.082 đồng trong đó 67.609.636 đồng nợ gốc và 75.470.446 đồng nợ lãi.

**** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, anh Phan T trình bày:*** Chúng tôi thống nhất về nội dung như đại diện công ty ĐP trình bày về thời gian ký kết hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Ngày 21/5/2014 hai bên đối chiếu công nợ, công ty GH xác nhận khối lượng hàng đã nhận cụ thể: gạch đỏ: 7.578,5m^2 x 90.000đ/m^2 = 683.065.000 đồng; gạch vàng: 292m^2 x 95.000đ/m^2 = 27.740.000 đồng, tổng cộng 709.805.000 đồng, công ty GH đã trả cho công ty ĐP số tiền 547.600.000 đồng còn nợ số tiền 162.205.000 đồng và đồng ý trả số tiền nêu trên cho công ty ĐP. Tuy nhiên ngày 14/02/2015 công ty GH đã trả thêm cho công ty ĐP số tiền 50.000.000 đồng; ngày 14/08/2015 trả 30.000.000 đồng và ngày 03/02/2016 trả 30.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 110.000.000 đồng. Hiện nay, công ty GH còn nợ 52.205.000 đồng và đồng ý trả số tiền này cho công ty ĐP.

Đối với số tiền lãi mà công ty ĐP yêu cầu tính lãi của công ty ĐP thì công ty GH không đồng ý vì lý do: Theo nội dung phụ lục hợp đồng số 02/13/PL-HĐ ngày 15/8/2013 mà hai bên đã ký kết, công ty ĐP không giao hàng đúng như cam kết, để đảm bảo tiến độ thi công nên công ty GH phải mua hàng ở ngoài với giá thành cao hơn, đã gây thiệt hại cho công ty GH nên không chấp nhận khoản tiền lãi nêu trên của công ty ĐP. Tại phiên tòa, công ty GH không yêu cầu phản tố và không yêu cầu giải quyết đối với thiệt hại của công ty.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Ngô P trình bày: Tôi là thủ kho của công ty ĐP có giao nhận khối lượng hàng như nguyên đơn đã trình bày, tôi không trình bày bổ sung gì thêm.

Ông Phan T trình bày: Tôi là nhân viên của công Ty GH, bản thân tôi được ông Phan Đình Sót là giám đốc công ty phân công đại diện đi ký nhận hàng với công ty ĐP, tôi có nhận khối lượng hàng hóa như công ty ĐP đã trình bày và ký xác nhận tại các phiếu xuất kho do công ty ĐP cung cấp. Còn việc thanh toán hay đối chiếu công nợ là giữa giám đốc của hai công ty nên tôi không có ý kiến gì về việc thanh toán giữa hai công ty.

Ông Nguyễn Trọng H trình bày: Tôi là kế toán của công ty ĐP, bản thân tôi có theo dõi về công nợ giữa công ty ĐP và công ty GH và xác nhận công ty GH có nợ công ty ĐP tổng cộng 724.929.636 đồng, đã trả được 657.320.000 đồng, hiện còn nợ 67.609.636 đồng nợ gốc và tiền lãi như nguyên đơn trình bày là đúng nên không trình bày bổ sung gì thêm.

Với nội dung trên, tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P đã áp dụng: Điều 24, 50, 306 Luật thương mại; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 30, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá giữa Công ty cổ phần ĐP đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn GH.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn GH phải có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần ĐP số tiền 143.025.081 đồng *(một trăm bốn mươi ba triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn, không trăm tám mươi mốt đồng)* trong đó 67.609.636 đồng *(sáu mươi bảy triệu, sáu trăm lẻ chín nghìn, sáu trăm ba mươi sáu đồng)* tiền gốc và 75.415.445 đồng *(bảy mươi lăm triệu, bốn trăm mười lăm nghìn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng)* tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành nghĩa vụ và thông báo quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 08/4/2019, Công ty trách nhiệm hữu hạn GH kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn công ty TNHH GH, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, kết quả tranh luận của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH GH:

[1.1] Xét hợp đồng giữa Công ty ĐP và Công ty GH:

Ngày 22/7/2013, Công ty ĐP có ký kết hợp đồng kinh tế số 02/13/HĐ-KT với Công ty GH, theo đó Công ty ĐP bán cho Công ty GH mặt hàng là gạch bê tông màu tự chèn CORIC với các loại gạch, số lượng, chủng loại, đơn giá, quy cách, chất lượng sản phẩm và phương thức giao nhận hàng và phương thức thanh toán cụ thể theo hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên có thoả thuận và ký tiếp phụ lục hợp đồng số 02/13/PL-HĐ ngày 15/8/2013, theo đó bổ sung thêm một số nội dung của Hợp đồng kinh tế số 02/2013/HĐ-KT ngày 22/7/2013 cụ thể bổ sung Điều 2 về việc bán bổ sung một số loại sản phẩm gạch bê tông màu tự chèn CORIC, Điều 5 về thay đổi số tiền thanh toán, Điều 6 về thời gian thực hiện hợp đồng của Hợp đồng.

[1.2] Thực hiện hợp đồng kinh tế số 02/2013/HĐ-KT ngày 22/7/2013, từ ngày 13/8/2013 đến ngày 18/10/2013 Công ty ĐP đã nhiều lần giao hàng cho Công ty GH với tổng khối lượng cụ thể là gạch ĐP – 3 màu đỏ: 66.056 viên x 8.181,8182đ/viên = 540.458.183 đồng; gạch ĐP–3 màu vàng: 3.244 viên x 8.545,4545đ/viên = 27.721.453 đồng; tổng cộng giá trị là 568.179.636 đồng.

[1.3] Thực hiện theo phụ lục hợp đồng số 02/13/PL-HĐ ngày 15/8/2013, từ ngày 18/10/2013 đến ngày 02/11/2013 công ty ĐP đã nhiều lần giao hàng cho công ty GH với khối lượng 18.150 viên x 8.636,3636đ/viên = 156.750.000 đồng.

Tổng giá trị hàng hoá theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng đã ký kết là 724.929.636 đồng.

[1.4] Ngày 21/5/2014 giữa công ty ĐP và công ty GH có biên bản đối chiếu công nợ, theo đó công ty GH xác nhận có nợ công ty ĐP tổng cộng số tiền 709.805.000 đồng và đã trả cho công ty ĐP số tiền 547.600.000 đồng, còn nợ 162.205.000 đồng.

Xét thấy: Theo biên bản đối chiếu công nợ và tại phiên tòa sơ thẩm, công ty GH đều xác nhận khối lượng gạch đã nhận được tính theo đơn vị là mét vuông, không phải tính theo đơn vị là viên như công ty ĐP trình bày cụ thể gạch đỏ 7.578,5m^2 x 90.000đ/m^2 = 682.065.000 đồng và gạch vàng 292 m^2 x 95.000đ/m^2 = 27.740.000 đồng, tổng cộng giá trị 709.805.000 đồng.

Tuy nhiên, theo hợp đồng kinh tế số 02/13/HĐ-KT ngày 22/7/2013 mà hai bên đã ký kết có nội dung được quy định tại Điều 2 như sau: tên hàng gạch ĐP-3 màu đỏ: quy cách 300x300x50, số viên/m^2 là 11, đơn vị tính là viên, số lượng 66.000 đồng, đơn giá 8.181,8182 đồng; tên hàng gạch ĐP-3 màu vàng, quy cách

300x300x50, số viên/m^2 là 11, đơn vị tính là viên, số lượng 3.300 đồng, đơn giá 8.545,4545 đồng; và theo phụ lục hợp đồng số 02/13/PL-HĐ ngày 15/8/2013 mà hai bên đã ký kết có nội dung được quy định tại Điều 1 (bổ sung Điều 2 của Hợp đồng) như sau: tên hàng gạch ĐP-3 màu đỏ: quy cách 300x300x50, số viên/m^2 là 11, đơn vị tính là viên, số lượng 55.000 đồng, đơn giá 8.636,3636 đồng. Như vậy, việc công ty GH tính khối lượng gạch đã nhận tính theo đơn vị mét vuông là không có cơ sở.

[1.5] Ngoài ra, công ty GH cho rằng đã thanh toán cho công ty ĐP số tiền 547.600.000 đồng nhưng công ty GH không cung cấp tài liệu về số tiền đã thanh toán cho công ty ĐP, còn theo tài liệu chứng cứ công ty ĐP đã cung cấp thì công ty GH đã trả cho công ty ĐP tổng cộng số tiền 547.320.000 đồng cụ thể: ngày 31/7/2013 trả 19.760.000 đồng theo phiếu thu số 05/07; ngày 09/8/2013 trả 30.000.000 đồng theo phiếu thu số 01/08; ngày 20/8/2013 trả 50.000.000 đồng theo phiếu thu số 17152; ngày 30/8/2013 trả 53.200.000 đồng theo phiếu thu số 04/08; ngày 03/9/2013 trả 100.000.000 đồng theo phiếu thu số 18132; ngày 30/9/2013 trả 19.760.000 đồng theo phiếu thu số 03/09; ngày 25/10/2013 trả 150.000.000 đồng theo phiếu thu số 00024; ngày 31/10/2013 trả 24.600.000 đồng theo phiếu thu số 03/10; ngày 25/01/2014 trả 100.000.000 đồng theo phiếu thu số 002540 nên trình bày của công ty GH là không có cơ sở.

[1.6] Tính từ ngày 31/7/2013 đến ngày 25/01/2014 công ty GH đã thanh toán cho công ty ĐP tổng cộng số tiền 547.320.000 đồng, còn nợ lại số tiền 177.609.636 đồng.

Sau nhiều lần công ty ĐP yêu cầu công ty GH trả nợ thì ngày 14/02/2015 trả 50.000.000 đồng; ngày 14/08/2015 trả 30.000.000 đồng và ngày 03/02/2016 trả 30.000.000 đồng; tổng cộng số tiền 110.000.000 đồng.

Như vậy có cơ sở xác định công ty GH đã thanh toán công ty ĐP được tổng cộng số tiền 657.320.000 đồng, hiện nay còn nợ số tiền 67.609.636 đồng.

[1.7] Về lãi suất: Tại Điều 5 của Hợp đồng kinh tế số 02/13/HĐ-KT có quy định: nếu quá thời hạn quy định mà bên B không thanh toán tiền đủ cho bên A thì bên B phải chịu trả lãi vay với lãi suất 1,5%/tháng. Công ty GH đã chậm thanh toán tiền mua hàng cho công ty ĐP theo hợp đồng và mức lãi suất hai bên thỏa thuận là phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ vào Điều 306 Luật thương mại và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu tính lãi của công ty ĐP buộc công ty GH có nghĩa vụ trả lãi suất cho công ty ĐP với mức lãi suất 1,5%/tháng *(tương đương 0,05%/ngày)* cụ thể như sau:

Từ ngày 01/8/2014 đến ngày 13/02/2015 tiền lãi được tính trên số tiền nợ gốc là 177.609.636 đồng x 0,05%/ ngày x 197 ngày = 17.494.547 đồng.

Từ ngày 14/02/2015 đến ngày 13/8/2015 tiền lãi được tính trên số tiền nợ gốc là 127.609.636 đồng (177.609.636đ – 50.000.000đ) x 0,05%/ngày x 181 ngày = 11.548.670 đồng.

Từ ngày 14/8/2015 đến ngày 02/02/2016 tiền lãi được tính trên số tiền nợ gốc là 97.609.636 đồng (127.609.636đ – 30.000.000đ) x 0,05%/ngày x 173 ngày =

8.443.232 đồng.

Từ ngày 03/02/2016 đến ngày 28/02/2019 tiền lãi được tính trên số tiền nợ gốc là 67.609.636 đồng (97.609.636đ – 30.000.000đ) x 0,05%/ngày x 1122 ngày = 37.928.996 đồng.

Tổng cộng số tiền lãi phải trả là 75.415.445 đồng.

Như vậy tổng số tiền công ty GH phải trả cho công ty ĐP là 143.025.081 đồng trong đó 67.609.636 đồng tiền gốc và 75.415.445 đồng tiền lãi. Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 143.025.081 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[1.8] Đối với lời trình bày của công ty GH cho rằng: do công ty ĐP không cung cấp hàng đúng số lượng và thời gian như đã thỏa thuận theo Phụ lục hợp đồng và đã gây thiệt hại về tài chính vì để kịp tiến độ thi công công trình nên công ty phải mua hàng ở chỗ khác với giá thành cao hơn. Tuy nhiên, công ty GH không cung cấp tài liệu chứng cứ về việc công ty ĐP cung cấp hàng hóa không đúng số lượng và thời gian hai bên đã cam kết cũng như tổng số tiền thiệt hại là bao nhiêu. Và tại phiên tòa, công ty GH không yêu cầu giải quyết về thiệt hại đã xảy ra đối với công ty và cũng không có yêu cầu phản tố nên HĐXX không xét.

[1.9] Đối với chuyến xe hàng ngày 19/10/2013 thể hiện tại phiếu xuất kho số 15/10B do anh Trương M nhận, công ty GH cho rằng anh Châu không phải là người đại diện của công ty để nhận hàng, công ty chỉ có duy nhất anh Phan T là người đại diện của công ty được phân công ký giao nhận hàng nên không đồng ý chuyến xe nêu trên. Xét thấy, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa công ty ĐP thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với chuyến xe hàng ngày 19/10/2013 thể hiện tại phiếu xuất kho số 15/10B do anh Trương M nhận nên cần ghi nhận sự tự nguyện nêu trên, do đó HĐXX không xét.

[1.10] Từ những căn cứ nêu trên xét bị đơn kháng cáo, nhưng không chứng minh được yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn, HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Về án phí: Bị đơn công ty GH phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định pháp luật do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn GH; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 24, 50, 306 Luật thương mại; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 30, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá giữa Công ty cổ phần ĐP đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn GH.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn GH phải có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần ĐP số tiền 143.025.081 đồng *(Một trăm bốn mươi ba triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn, không trăm tám mươi mốt đồng)* trong đó 67.609.636 đồng *(Sáu mươi bảy triệu, sáu trăm lẻ chín nghìn, sáu trăm ba mươi sáu đồng)* tiền gốc và 75.415.445 đồng *(Bảy mươi lăm triệu, bốn trăm mười lăm nghìn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng)* tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Án phí sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn GH phải chịu 7.151.254 đồng *(Bảy triệu, một trăm năm mươi mốt nghìn, hai trăm năm mươi bốn đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho công ty Cổ phần ĐP số tiền 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 6051 ngày 27/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Hoà, tỉnh Phú Yên.

+ Án phí phúc thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn GH phải chịu 2.000.000đồng*(Hai triệu đồng)* tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 0013362 ngày 16/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thái Lan